

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2021/KDTM-ST

Ngày: 29-01-2021

“V/v Tranh chấp về hợp đồng
kinh doanh thương mại - mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thanh

Ông Bùi Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-KDTM, ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 408/2020/QĐXXST-KDTM ngày 22/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-KDTM ngày 12/01/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bùi Minh L - Chủ hộ kinh doanh 129;

Địa chỉ: Số Z, đường L, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Đại diện hợp pháp của anh Bùi Minh L: Bà Trần Thị T, sinh năm 1966;
Địa chỉ: Khóm B, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 24 tháng 4 năm 2020).

- Bị đơn:

1. Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1979;

HKTT: Số Z1, đường N, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ liên hệ: Số Z2 T, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Đỗ Chí T1, sinh năm 1985;

Địa chỉ liên hệ: Số Z2 T, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Trần Thị T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Khóm B, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà T có mặt tại phiên tòa, chị Lan C và anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của anh Bùi Minh L và tại phiên tòa bà Trần Thị T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Bùi Minh L là chủ đại lý bia, nước ngọt 129. Anh L có cung cấp bia, nước ngọt cho quán Phố Đông do chị Lan C làm chủ. Khi quán nghỉ, tính đến ngày 30/8/2017, chị Lan C chốt công nợ sổ sách với anh L số tiền là: 250.000.000 đồng. Sau đó chị Lan C tiếp tục mở quán mới là Thuyền Buồm. Chị Lan C xin chuyển một phần số công nợ nêu trên qua sổ của quán Thuyền Buồm xem như là phần gởi đầu sổ sách cho quán mới. Phần công nợ tiền còn lại, chị Lan C sẽ trả cho anh. Cụ thể chuyển 60.000.000 đồng, còn nợ lại 190.000.000 đồng.

Sau khi quán Thuyền Buồm hoạt động, công nợ tiền trên sổ sách ban đầu chị C trả theo đúng thỏa thuận. Về sau, công nợ tiền cứ phát sinh tăng lên liên tục, anh lấy tiền rất khó khăn. Nên anh L không tiếp tục bán hàng cho chị Lan C. Tính đến ngày 02/3/2020, trên sổ sách quán Thuyền Buồm, chị Lan C còn nợ anh L số tiền 105.347.000 đồng cùng với số lượng vỏ chai là 112 kết vỏ Sài Gòn, 30 kết vỏ Heineken.

Anh L yêu cầu chị Nguyễn Thị Lan C cùng anh Đỗ Chí T1 trả cho anh cụ thể như sau: Số công nợ tiền của quán Thuyền Buồm là: 105.347.000 đồng; Giá trị công nợ vỏ chai của quán Thuyền Buồm: 9.640.000 đồng (Vỏ chai Sài Gòn: 112 kết x 70 đồng = 7.840.000 đồng; Vỏ Heneiken 30 kết x 60.000 đồng = 1.800.000 đồng); Số công nợ tiền của quán Phố Đông là: 190.000.000 đồng; Phần tiền lãi của quán Phố Đông với mức lãi suất 1%, tính từ ngày 30/8/2017 đến ngày 29/02/2020 (30 tháng), cụ thể: 190.000.000 đồng x 1% x 30 tháng = 57.000.000 đồng; Tổng cộng số tiền mà chị Lan C và anh T1 phải trả cho anh

là 361.987.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu:

Đối với việc mua bán của anh L và quán Phố Đông thì đến ngày 30/8/2017 đã chốt sổ anh T1, chị Lan C còn nợ anh L số tiền 250.000.000 đồng nhưng sau đó anh T1, chị C đã trả được 60.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại 190.000.000 đồng. Đối với việc mua bán của anh L cho chị Lan C và anh T1 tại địa điểm có ghi biển hiệu Thuyền Buồm đến ngày 16/02/2020, chị Lan C, anh T1 còn nợ anh L số tiền 105.347.000 đồng. Tổng cộng, anh L yêu cầu chị Lan C và anh T1 cùng liên đới trả cho anh L số tiền 295.347.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi số tiền chị Lan C và anh T1 nợ thì yêu cầu tính lãi 1%/ tháng, thời gian tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 29/01/2021, tổng thời gian là 09 tháng 28 ngày. Số tiền là 295.347.000 đồng \times 1%/tháng \times 09 tháng 28 ngày = 29.337.802 đồng. Tổng cộng chị Lan C và anh T1 phải trả cho anh L 295.347.000 đồng + 29.337.802 đồng = 324.684.802 đồng

Đối số vỏ chai hiện nay chị Lan C và anh T1 còn nợ anh L thì anh L yêu cầu trả giá trị. Giá cụ thể như sau: đối với vỏ bia Sài Gòn là 70.000 đồng/kết \times 112 kết = 7.840.000 đồng, vỏ chai bia tiger là 60.000 đồng/kết \times 30 kết = 1.800.000 đồng. Tổng giá trị vỏ chai bia là 9.640.000 đồng. Đối với giá vỏ chai bia thì anh L không có yêu cầu định giá và đã cung cấp giá vỏ chai bia theo hợp đồng đã ký với các công ty sản xuất bia thu mua trên thị trường.

Tổng cộng, anh L yêu cầu chị Lan C và anh T1 liên đới trả số tiền là 324.684.802 đồng + 9.640.000 đồng = 334.324.802 đồng.

Khi mua bán bia thì anh L với chị Lan C và anh T1 không có ký hợp đồng mua bán, thỏa thuận giao bia đến nơi, có người nhận ký sổ công nợ và trả tiền. Việc chị C và anh T1 có đăng ký kinh doanh không và đăng ký kinh doanh với tên quán là gì thì anh L không biết, chỉ biết giao hàng đến nơi thì thấy có treo biển hiệu quán Thuyền Buồm và quán Phố Đông. Anh L chỉ yêu cầu chị C và anh T1 trả số tiền còn nợ, không có yêu cầu ai khác cùng liên đới.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Lan C và anh Đỗ Chí T1: Không gửi văn bản ý kiến; không nộp tài liệu, chứng cứ; không gửi ý kiến khi Tòa án có thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ về giá vỏ chai bia, về việc có yêu cầu trách

nhiệm liên đới không, về thủ tục đăng ký kinh doanh; không tham gia hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Giấy chứng minh nhân dân Bùi Minh L (bản sao chứng thực); Sổ hộ khẩu chủ hộ Bùi Minh T (bản sao chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (bản sao chứng thực); Sổ giao hàng tên khách hàng Thuyền Buồm (bản chính); Sổ giao hàng tập học sinh ghi tên khách hàng Phố Đông (bản chính); Hợp đồng ủy quyền ngày 24/4/2020 (Bản chính); Văn bản trả lời ý kiến ngày 07/7/2020 (Bản chính); Văn bản trình bày ý kiến ngày 23/7/2020 (Bản chính); Hợp đồng cho cược vỡ chai, kết rỗng số 01/2020/HĐCCK (bản chính); Phục lục I giá bán sản phẩm cho nhà phân phối, ngày ký hợp đồng ngày 01/01/2019 (đã đối chiếu bản chính); Công văn số 55 ngày 13/5/2020 của Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp (Bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Bản photo); Thông báo về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh (Bản photo); Phiếu yêu cầu xác minh ngày 03/7/2020 (Bản chính); Phiếu yêu cầu xác minh ngày 24/7/2020 (Bản chính)

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không có.*

** Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Minh Luân. Buộc chị Nguyễn Thị Lan C và anh Đỗ Chí T1 có trách nhiệm liên đới trả cho anh Bùi Minh L số tiền bia còn nợ là 295.347.000 đồng và lãi suất 1%/tháng từ khi tòa án thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm; Buộc chị Nguyễn Thị Lan C và anh Đỗ Chí T1 có trách nhiệm liên đới trả giá trị vỡ chai bia còn thiếu là vỏ bia Sài Gòn là 70.000 đồng/kết x 112 kết = 7.840.000 đồng, vỡ chai bia tiger là 60.000 đồng/kết x 30 kết = 1.800.000 đồng. Tổng giá trị vỡ chai bia là 9.640.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật, căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn anh Bùi Minh L có đăng ký kinh doanh hình thức hộ kinh doanh bia, nước ngọt và có thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa là bia với chị Nguyễn Thị Lan C là chủ hộ kinh doanh Phố Đông (hiện đã chấm dứt hoạt động kinh doanh từ ngày 28/11/2018) và anh Đỗ Chí T1. Như vậy, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại mua bán hàng hóa giữa các cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, .

Về tư cách đương sự: Công văn số 55 ngày 13/5/2020 của Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp xác định hộ kinh doanh Phố Đông do chị Nguyễn Thị Lan C làm đại diện đã làm thủ tục chấm dứt hoạt động. Ngoài ra, theo Công văn số 174/TCKH ngày 16 tháng 10 năm 2020 thì cơ sở kinh doanh tên Thuyền Buồm hiện không có đăng ký kinh doanh. Do đó, chị Nguyễn Thị Lan C, anh Đỗ Chí T1 tham gia tố tụng với tư cách là cá nhân, không còn là chủ hộ kinh doanh. Nguyên đơn ghi trong đơn khởi kiện là anh Bùi Minh L – Chủ cơ sở kinh doanh bia, nước ngọt Đại lý 129, qua kiểm tra giấy chứng nhận do nguyên đơn nộp xác định nguyên đơn là Bùi Minh L – Chủ hộ kinh doanh 129.

Về thẩm quyền, tranh chấp về hợp đồng mua bán giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ liên hệ tại Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Lan C và anh Đỗ Chí T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì nguyên đơn không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Lan C, Đỗ Chí T1 cùng có nghĩa vụ trả cho nguyên

đơn Bùi Minh L số tiền nợ của quán Phở Đông là 190.000.000 đồng, số tiền nợ của quán có biển hiệu Thuyền Buồm số tiền 105.347.000 đồng. Tổng cộng là 295.347.000 đồng; Yêu cầu tính lãi 1%/ tháng, thời gian tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 29/01/2021, tổng thời gian là 09 tháng 28 ngày. Số tiền là 29.337.802 đồng; giá trị số vỏ chai bia hiện còn nợ là vỏ bia Sài Gòn là 70.000 đồng/két x 112 kết = 7.840.000 đồng, vỏ chai bia tiger là 60.000 đồng/két x 30 kết = 1.800.000 đồng. Tổng giá trị vỏ chai bia là 9.640.000 đồng.

Tổng cộng, anh L yêu cầu chị Nguyễn Thị Lan C và anh Đỗ Chí T1 liên đới trả số tiền là 295.347.000 đồng + 29.337.802 đồng + 9.640.000 đồng = 334.324.802 đồng.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, đề nghị chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Minh L. Buộc chị Nguyễn Thị Lan C và anh Đỗ Chí T1 có trách nhiệm liên đới trả cho anh Bùi Minh L số tiền bia còn nợ là 295.347.000 đồng và lãi suất 1%/tháng từ khi tòa án thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm; Buộc chị Nguyễn Thị Lan C và anh Đỗ Chí T1 có trách nhiệm liên đới trả giá trị vỏ chai bia còn thiếu là vỏ bia Sài Gòn là 70.000 đồng/két x 112 kết = 7.840.000 đồng, vỏ chai bia tiger là 60.000 đồng/két x 30 kết = 1.800.000 đồng. Tổng giá trị vỏ chai bia là 9.640.000 đồng.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện có việc mua bán bia giữa anh Luân và chị Lan C, anh Đỗ Chí T1. Việc mua bán bia thể hiện bằng sổ giao hàng do nguyên đơn cung cấp. Trong sổ giao hàng bằng tập học sinh ghi tên khách hàng là Phở Đông thể hiện ngày 30/8/2017 giữa anh L và chị C có việc tính toán tổng kết số tiền chị Lan C còn nợ là 250.000.000 đồng và chị C có ký tên đồng ý số tiền còn nợ, do chị C đã trả 60.000.000 đồng nên anh L chỉ yêu cầu chị C tiếp tục trả 190.000.000 đồng. Trong sổ giao hàng ghi tên khách hàng Thuyền Buồm thể hiện ngày 16/02/2020 giữa anh L và chị Lan C có tính toán tổng kết số tiền chị Lan C còn nợ là 105.347.000 đồng và chị C có ký và ghi họ tên đồng ý số tiền còn nợ. Đối với số lượng vỏ chai bia, ngày 13/01/2020 trong sổ giao hàng ghi tên khách hàng Thuyền Buồm thể hiện số vỏ chai mà chị Lan C còn nợ là số vỏ bia Sài Gòn là 127 kết, bia tiger là 90 kết và chị Lan C có ký và ghi họ tên đồng ý số vỏ chai bia còn nợ, do chị Lan C và anh T1 đã trả 15 kết vỏ bia Sài Gòn và 60 kết vỏ bia Tiger nên anh L yêu cầu trả giá trị 112 kết vỏ bia Sài Gòn và 30 kết vỏ bia Tiger. Về trách nhiệm liên đới, trong sổ giao nhận hàng tên khách hàng Thuyền Buồm thể hiện ngày

13/01/2020, anh Đỗ Chí T1 có ký và ghi họ tên xác nhận số tiền và vỏ chai bia còn nợ. Về giá vỏ chai bia, nguyên đơn cung cấp và yêu cầu dựa theo giá vỏ chai bia từ các hợp đồng đã ký với các công ty sản xuất bia trên thị trường, Tòa án đã thông báo cho bị đơn Nguyễn Thị Lan C và Đỗ Chí T1 cung cấp giá hoặc có yêu cầu định giá nhưng chị Lan C và anh T1 không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến, không cung cấp giá, không nộp đơn yêu cầu định giá. Do đó, giá vỏ chai bia do nguyên đơn cung cấp là có căn cứ nên chấp nhận, cụ thể giá vỏ chai bia Sài Gòn là 70.000 đồng/két, giá vỏ chia bia Tiger là 60.000 đồng/két. Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên, nguyên đơn anh Bùi Minh L – Chủ hộ kinh doanh 129 khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Lan C và anh Đỗ Chí T1 cùng liên đới trả số tiền bia 295.347.000 đồng và giá trị vỏ chai bia 9.640.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1%/ tháng, thời gian tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 29/01/2021, tổng thời gian là 09 tháng 28 ngày. Số tiền là 29.337.802 đồng. Tòa án đã thu thập mức lãi suất bình quân của ba Ngân hàng thương mại tại địa phương, kết quả lãi bình quân của ba ngân hàng thương mại tại địa phương cao hơn mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó, căn cứ Điều 306, Điều 11 Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất là 1%/tháng và tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án, ngày 01/4/2020 đến ngày 29/01/2021, cụ thể số tiền lãi tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày 29/01/2021 là $295.347.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 29.337.802 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định trên, có căn cứ buộc chị Nguyễn Thị Lan C và anh Đỗ Chí T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Bùi Minh L – Chủ hộ kinh doanh 129 số tiền tổng cộng là $295.347.000 \text{ đồng} + 29.337.802 \text{ đồng} + 9.640.000 \text{ đồng} = 334.324.802 \text{ đồng}$ (ba trăm ba mươi bốn triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm lẻ hai đồng).

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Minh L – Chủ hộ kinh doanh 129 nên chị Nguyễn Thị Lan C và anh Đỗ Chí T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền án phí chị Nguyễn Thị Lan C và anh Đỗ Chí T1 phải chịu là

16.716.240 đồng (mười sáu triệu bảy trăm mười sáu ngàn hai trăm bốn mươi đồng).

Anh Bùi Minh L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.050.000 đồng (chín triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0004589 ngày 30/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Minh L – Chủ hộ kinh doanh 129. Buộc chị Nguyễn Thị Lan C và anh Đỗ Chí T1 có trách nhiệm liên đới trả cho anh Bùi Minh L – Chủ hộ kinh doanh 129 số tiền 334.324.802 đồng (ba trăm ba mươi bốn triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm lẻ hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lan C và anh Đỗ Chí T1 phải có trách nhiệm liên đới chịu 16.716.240 đồng (mười sáu triệu bảy trăm mười sáu ngàn hai trăm bốn mươi đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Anh Bùi Minh L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.050.000 đồng (chín triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0004589 ngày 30/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Anh Bùi Minh L – Chủ hộ kinh doanh 129 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị Lan C, anh Đỗ Chí T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Thị Thanh Thảo